

NGHỊ QUYẾT

**CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY BÀ RỊA – VŨNG TÀU
về công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020**

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lần thứ VI, nhiệm kỳ 2015 – 2020 (Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 23/10/2015) đã xác định quan điểm phát triển tỉnh trong 05 năm tới là thực hiện mô hình kinh tế theo chiều sâu, có hiệu quả, đảm bảo bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái và tài nguyên thiên nhiên. Để tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh trong 05 năm tới và trên cơ sở Kết luận số 02-KL/TW ngày 26/4/2016 của Ban Bí thư về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2020 với những nội dung sau:

PHẦN THỨ NHẤT

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 03-NQ/TU
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA V VỀ CÔNG TÁC
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2015**

I. Những kết quả đạt được

Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đã tập trung triển khai các giải pháp, nhiệm vụ liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh và đã đạt được một số kết quả như sau:

1. Đã xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để tổ chức thực hiện Nghị quyết; thường xuyên phổ biến, tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, qua đó tạo sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với công tác bảo vệ môi trường.

2. Có 4/7 chỉ tiêu về môi trường đạt được theo tinh thần Nghị quyết 03-NQ/TU gồm: tỷ lệ che phủ cây xanh, tỷ lệ che phủ rừng; tỷ lệ rác thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý; tỷ lệ các cơ sở xây dựng mới áp dụng

công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm đạt tiêu chuẩn môi trường; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

3. Nguồn lực tài chính đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường được nhà nước, tổ chức kinh tế quan tâm, mặc dù chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đặt ra nhưng đã giúp được kết quả tích cực. Đến nay, có 8/9 khu công nghiệp, 04 cụm công nghiệp hoạt động đã thu gom, xử lý nước thải tại các hệ thống xử lý nước thải tập trung, trong đó có 04 khu công nghiệp lắp đặt thiết bị quan trắc tự động nước thải sau xử lý; đầu tư 10 lò đốt chất thải y tế, 10 hệ thống xử lý nước thải tại các bệnh viện, trung tâm y tế; đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên và thu hút nhiều tổ chức kinh tế tham gia xã hội hóa về bảo vệ môi trường; xử lý chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh cho 6/8 địa phương; Dự án thu gom, xử lý nước thải đô thị Vũng Tàu giai đoạn 1 công suất xử lý khoảng 22.000 m³/ngày đêm đã đưa vào vận hành trong năm 2015; các dự án ứng phó biến đổi khí hậu, chống xói lở bờ biển, tránh trú bão cho tàu thuyền được quan tâm đầu tư kịp thời.

4. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường được tăng cường, trong đó đã đình chỉ hoạt động có thời hạn; yêu cầu tháo dỡ nhà xưởng các cơ sở xây dựng không phép trên đất nông nghiệp, gây ô nhiễm môi trường (16 cơ sở chế biến hải sản, bột cá, nước mắm tại xã Tân Hải, huyện Tân Thành; 05 cơ sở chế biến mắm, phơi cá phân tại phường 12, thành phố Vũng Tàu; 03 cơ sở chế biến bột mì tại xã Hòa Hưng, huyện Xuyên Mộc,...).

5. Các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm đã được tăng cường như: không cấp phép đầu tư các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao; không cho phép xả thải trực tiếp nước thải công nghiệp sau xử lý vào các nguồn cấp nước của tỉnh; xây dựng cơ chế, thu hút các dự án đầu tư công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.

II. Một số hạn chế, khuyết điểm trong quá trình thực hiện

1. Còn 3/7 chỉ tiêu về môi trường chưa đạt so với Nghị quyết số 03-NQ/TU, cụ thể: chất thải rắn sinh hoạt, nguy hại được thu gom, xử lý chỉ đạt khoảng 79% (chỉ tiêu là 100%); các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn Việt Nam chỉ đạt khoảng 92,3% (chỉ tiêu là 100% khu, cụm công nghiệp); cơ sở chế biến hải sản, đặc biệt là các nhà máy chế biến bột cá đang hoạt động phải đầu tư các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm đạt quy chuẩn môi trường chỉ đạt khoảng 88% (chỉ tiêu là 100%).

2. Một số công trình trọng điểm để khắc phục, cải thiện ô nhiễm môi trường triển khai chậm tiến độ hoặc chưa được đầu tư: các dự án về thu gom và xử lý nước thải đô thị; 03 khu chế biến hải sản tập trung; cải thiện ô nhiễm môi trường khu vực kênh Bến Đình, khu vực Cửa Lấp, ao Hải Hà, khu vực Tân Hải,...

3. Thực trạng ô nhiễm từ hoạt động chế biến hải sản chậm được khắc phục. Tình trạng tự xây dựng cơ sở chế biến hải sản khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền vẫn còn xảy ra tại nhiều địa phương.

4. Chưa quan tâm đúng mức đến công tác bảo vệ đa dạng sinh học, đặc biệt là bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng ngập mặn ven sông, ven biển; khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu, Vườn Quốc gia Côn Đảo; việc đầu tư chống xói lở bờ biển quá ít, không kịp thời; quản lý, khai thác tài nguyên lãng phí, không chặt chẽ (rừng, nước ngầm, nguồn lợi hải sản ven bờ); nguy cơ nhiễm mặn tại một số địa phương.

5. Năng lực quản lý nhà nước về môi trường của các cấp từ cấp tỉnh đến cấp xã chưa đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ thực tiễn đặt ra. Việc kiểm soát các nguồn thải nước thải, khí thải còn nhiều hạn chế, bị động, các doanh nghiệp xả thải không đúng quy định, gây ô nhiễm môi trường tại nhiều khu vực.

III. Nguyên nhân hạn chế trong công tác bảo vệ môi trường

1. Nhận thức và trách nhiệm của một số cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu địa phương, các ngành, đơn vị, doanh nghiệp, người dân chưa đầy đủ. Phát triển kinh tế - xã hội chưa thực sự gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

2. Chưa đủ nguồn lực tài chính để đầu tư, thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, chống xói lở bờ biển, đa dạng sinh học đối với tỉnh có tốc độ tăng trưởng nhanh và chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu.

PHẦN THỨ HAI

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2020

I. Quan điểm

1. Bảo vệ môi trường phải được gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế theo hướng bền vững; thu hút các dự án đầu tư thân thiện với môi trường, kiên quyết không thu hút các dự án đầu tư có công nghệ lạc hậu, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Đầu tư bảo vệ môi trường là đầu tư

cho phát triển, huy động mọi nguồn lực trong xã hội cho đầu tư, cải thiện chất lượng môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.

2. Bảo vệ môi trường theo phương châm kết hợp chặt chẽ giữa ngăn ngừa, kiểm soát, xử lý ô nhiễm với khôi phục, bảo vệ môi trường sinh thái và tài nguyên thiên nhiên. Cương quyết xử lý và chấm dứt tình trạng hoạt động sản xuất gây ô nhiễm kéo dài, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng.

3. Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ cấp bách, có tính đa ngành cao, vì vậy đòi hỏi cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy đảng, sự quản lý thống nhất, đồng bộ của chính quyền, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và của toàn thể nhân dân.

II. Mục tiêu

Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững đến năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI nhiệm kỳ 2015 – 2020 đã xác định, cụ thể như sau:

1. Tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 44,2%; tỷ lệ che phủ rừng đạt 13,4%.
2. Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch đạt 90%.
3. Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch đạt 100%.
4. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo quy chuẩn môi trường đạt 95%.
5. Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đảm bảo quy chuẩn môi trường đạt 100%.
6. Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, xử lý đảm bảo quy chuẩn môi trường đạt 100%.
7. Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp nguy hại được thu gom, xử lý đảm bảo quy chuẩn môi trường đạt 100%.
8. Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo quy chuẩn môi trường đạt 100%.
9. Tỷ lệ cơ sở sản xuất xây dựng mới phải đầu tư công nghệ sản xuất hiện đại, tiên tiến và đầu tư các công trình giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải đảm bảo quy chuẩn môi trường đạt 100%.

III. Nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện

1. Một số nhiệm vụ, giải pháp chung

a) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác bảo vệ môi trường. Quy định vai trò, trách nhiệm của người đứng

đầu cấp ủy, chính quyền địa phương để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường kéo dài.

b) Rà soát, kiện toàn bộ máy từ cấp tỉnh đến cấp xã theo hướng tổng hợp, thống nhất, tập trung đầu mối; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, vai trò của ngành môi trường, khắc phục triệt để tình trạng phân tán, chồng chéo trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Chú trọng nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ cấp tỉnh đến cấp xã. Sử dụng nguồn chi sự nghiệp môi trường để bố trí cán bộ hợp đồng chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường tại cấp xã.

c) Nâng cao hiệu quả công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư.

2. Tăng cường kiểm soát, quản lý tốt các nguồn thải chất thải rắn

a) Đẩy mạnh công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn để tái chế, tái sử dụng và giảm chi phí xử lý. Trong năm 2016 – 2017, tập trung áp dụng thí điểm phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đối với huyện Côn Đảo, thí điểm 01 phường tại thành phố Bà Rịa, Vũng Tàu và thí điểm 01 khu phố tại các huyện còn lại để đánh giá hiệu quả, rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình trên toàn tỉnh.

b) Đẩy nhanh đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, tiến tới trong nhiệm kỳ phải chấm dứt việc chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh; phấn đấu chuyển dần từ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng biện pháp chôn lấp hợp vệ sinh sang xử lý bằng các công nghệ tái chế (phân compost), công nghệ đốt kết hợp xử lý khí thải, phát điện, đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, từ nay đến năm 2020 triển khai các công việc cụ thể sau:

- Trong năm 2017, di dời Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Công ty cổ phần môi trường xanh Bảo Ngọc tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành về khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên;

- Trong giai đoạn 2017-2019, tập trung xử lý dứt điểm các bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt tạm (Cổng Trắng, Láng Dài, Bung Riêng, suối Nhật Bôn), tránh gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

- Đầu tư Khu xử lý chất thải rắn tập trung tại xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ trong giai đoạn 2017 – 2018 bằng hình thức xã hội hóa; phấn đấu đầu tư hoàn thành Nhà máy xử lý chất thải bằng nghệ đốt hiện đại cho huyện Côn Đảo trong giai đoạn 2017 – 2020.

c) Đầu tư hoàn thành và đưa vào hoạt động Nhà máy xử lý bụi lò luyện thép trên địa bàn tỉnh trong năm 2017 – 2018. Trước mắt trong năm 2016, yêu cầu các Nhà máy luyện thép phải đầu tư, cải tạo các kho đảm bảo lưu giữ toàn bộ bụi lò trước khi chuyển giao cho các đơn vị thu gom, xử lý và phải đầu tư hệ thống quan trắc tự động khí thải trong quý II/2017 và kết nối, truyền dữ liệu về Trung tâm điều hành tại Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

d) Từ năm 2017, toàn bộ chất thải rắn y tế được thu gom, phân loại tại nguồn, lưu giữ và vận chuyển về các lò đốt tại các bệnh viện, trung tâm y tế để xử lý, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

đ) Yêu cầu các tàu, thuyền khi cập cảng phải thu gom các chất thải rắn, dầu cặn để chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý, tránh tình trạng xả thải trên biển gây ô nhiễm và có chế tài xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

e) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các chủ nguồn thải; các đơn vị vận chuyển, xử lý chất thải rắn thực hiện không đúng quy định.

3. Tăng cường kiểm soát, quản lý tốt các nguồn thải nước thải, khí thải, hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường

a) Kiểm soát chặt chẽ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải công nghiệp:

- Trong năm 2017, tất cả các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có dự án thứ cấp hoạt động phải đầu tư hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải tập trung và lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Yêu cầu các cơ sở sản xuất bên ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp có phát sinh nước thải phải có biện pháp thu gom, xử lý nước thải đúng quy định. Trong năm 2017, các cơ sở có lưu lượng xả thải từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên yêu cầu phải lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục. Khuyến khích các cơ sở có lưu lượng xả thải nước thải từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Các cơ sở sản xuất có phát sinh khí thải phải có biện pháp thu gom, xử lý khí thải đúng quy định. Trong năm 2017, các cơ sở có lưu lượng xả thải khí thải lớn theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2014 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu yêu cầu phải lắp đặt hoàn chỉnh thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

- Yêu cầu các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất phải truyền số liệu quan trắc tự động nước thải, khí thải trực tiếp về Trung tâm điều hành tại Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát hoạt động xả thải.

b) Đẩy mạnh đầu tư các công trình bảo vệ môi trường, nhất là các công trình do nhà nước quản lý:

- Trong năm 2017, các bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế các phường, xã, thị trấn, các phòng khám tư nhân (có phát sinh nước thải y tế); các chợ loại 2 trở lên trên địa bàn tỉnh phải có giải pháp quản lý chất thải rắn, giải pháp xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn môi trường.

- Phân đấu đến năm 2020, các đô thị được đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung: Vũng Tàu – giai đoạn 2, Bà Rịa, Phú Mỹ và Côn Đảo.

- Trong năm 2016, phải hoàn thành đầu nối toàn bộ nước thải đô thị khu vực thành phố Vũng Tàu cũ (khu Nam sân bay), bao gồm nước thải của các cơ sở kinh doanh, dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố Vũng Tàu về hệ thống xử lý giai đoạn 1 công suất 22.000 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải và tổ chức thu phí xử lý theo quy định.

- Các dự án đô thị mới phải yêu cầu chủ đầu tư triển khai hệ thống xử lý nước thải đồng bộ với đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật.

c) Trong giai đoạn 2017-2018, đầu tư hoàn chỉnh hệ thống quan trắc tự động độc lập của tỉnh đối với các nguồn nước thải, khí thải và Trạm điều hành Trung tâm để theo dõi, giám sát liên tục hoạt động xả thải chất thải của các cơ sở sản xuất và môi trường không khí tại đô thị.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải nước thải, khí thải của các cơ sở sản xuất và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật. Cương quyết đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động đối với các cơ sở xả thải gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật.

đ) Chú trọng nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, để thúc đẩy nghiên cứu, phát triển công nghệ xử lý nước thải, khí thải. Khuyến khích các hoạt động chuyển giao công nghệ tiên tiến xử lý ô nhiễm môi trường do nước thải, khí thải gây ra. Đồng thời triển khai có hiệu quả Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện sản xuất sạch hơn, xử lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của UBND tỉnh.

e) Xây dựng cơ chế chính sách thuận lợi để hỗ trợ các cơ sở sản xuất được sử dụng vốn vay ưu đãi từ Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh để đầu tư các công trình xử lý nước thải, khí thải.

4. Triển khai các giải pháp để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ở một số khu vực

a) Tập trung triển khai các giải pháp để cải thiện, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh như:

- Khu vực kênh Bến Đình: trong năm 2017, hoàn thành việc thu gom toàn bộ nước thải ra kênh Bến Đình để chuyển về nhà máy xử lý nước thải đô thị thành phố Vũng Tàu giai đoạn 1 công suất 22.000 m³/ngày đêm tại khu vực cầu Rạch Bà để xử lý trước khi xả thải. Trong giai đoạn 2017 – 2020, triển khai đầu tư dự án nạo vét kênh Bến Đình và tuyến kè, đường dọc kênh.

- Khu chế biến hải sản tại Tân Hải, huyện Tân Thành: Yêu cầu các cơ sở chế biến hải sản, bột cá vi phạm về xây dựng, đầu tư, môi trường phải tháo dỡ nhà xưởng và đình chỉ hoạt động theo quy định. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xả thải của các cơ sở được phép hoạt động tạm tại khu vực này. Tiến tới di dời các cơ sở chế biến hải sản hoạt động phù hợp quy định của pháp luật tại khu vực này về các khu chế biến hải sản tập trung. Đối với các cơ sở chế biến bột cá đang được phép hoạt động tại khu vực này, yêu cầu tiếp tục nghiên cứu cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường, không phát tán mùi hôi ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, trường hợp không có công nghệ xử lý khí thải đảm bảo quy chuẩn môi trường, tiếp tục gây mùi hôi ảnh hưởng đến khu vực xung quanh thì yêu cầu phải chuyển đổi ngành nghề hoạt động khi di dời vào khu chế biến hải sản tập trung.

- Khu vực Cửa Lấp, Phước Cơ: triển khai các giải pháp để xử lý 03 nguồn thải chính vào khu vực này (nước thải của các cơ sở chế biến hải sản; nước thải từ các cảng cá; nước thải đô thị). Trong năm 2016 – 2017, tập trung xử lý các cơ sở chế biến hải sản, cương quyết đình chỉ hoạt động các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tiến tới di dời toàn bộ các cơ sở chế biến hải sản đang hoạt động phù hợp quy định của pháp luật tại khu vực này vào các khu chế biến hải sản tập trung khi đã được đầu tư hoàn chỉnh. Trong năm 2016 – 2020, phải đầu tư hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải cho các cảng cá tại huyện Long Điền. Phấn đấu đến năm 2020, đầu tư hoàn thành hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị Vũng Tàu giai đoạn 2.

- Khu vực làng nghề bún Long Kiên, thành phố Bà Rịa: yêu cầu các hộ sản xuất bún phải thực hiện giải pháp xử lý nước thải theo quy định, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sản xuất bún được sử dụng kinh phí từ Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện sản xuất sạch hơn, xử lý ô nhiễm môi trường theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 10/7/2014; được vay vốn ưu đãi từ Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh; được hỗ trợ một phần từ ngân sách để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, phấn đấu đến năm 2020, khắc phục được ô nhiễm tại làng nghề truyền thống bún Long Kiên.

- Khu vực ao Hải Hà, huyện Long Điền: tập trung triển khai Dự án cải thiện, khắc phục ô nhiễm môi trường khu vực ao Hải Hà trong giai đoạn 2017 – 2020.

- Khu vực Bãi rác Phước Cơ, phường 12, thành phố Vũng Tàu: trong năm 2017-2020, tiếp tục triển khai Dự án cải tạo, phục hồi môi trường diện tích còn lại của bãi rác Phước Cơ.

- Di dời Nghĩa trang Vũng Tàu (khu vực ọ Ông Từ) trong giai đoạn 2017 – 2020.

b) Đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng, trong đó có đầy đủ các hạng mục về bảo vệ môi trường trong năm 2017 đối với các dự án: 02 khu chế biến hải sản tập trung tại xã Lộc An, huyện Đất Đỏ và xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc để di dời các cơ sở chế biến hải sản; 02 cụm công nghiệp Phước Thắng, thành phố Vũng Tàu và Hòa Long, thành phố Bà Rịa để di dời các cơ sở gây ô nhiễm trong khu dân cư trên địa bàn thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa.

c) Tập trung nguồn lực để đầu tư Trung tâm nghề cá, khu chế biến hải sản tập trung tại thành phố Vũng Tàu, phấn đấu đưa vào hoạt động trong năm 2020 để sắp xếp hoạt động hậu cần nghề cá và di dời các cơ sở chế biến hải sản trên địa bàn tỉnh.

d) Xây dựng chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở chế biến hải sản, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong các khu dân cư vào các khu chế biến hải sản tập trung đã đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng.

5. Bảo vệ nghiêm ngặt nguồn cấp nước sinh hoạt của tỉnh

a) Trong năm 2017 tập trung thực hiện các nhiệm vụ: xây dựng Bản đồ khoanh vùng bảo vệ xung quanh các hồ chứa nước sinh hoạt của tỉnh; thực hiện cấm móc khu vực cần bảo vệ xung quanh các hồ cấp nước; triển khai các giải pháp bảo vệ, xử lý ô nhiễm môi trường ở thượng nguồn các hồ cấp nước của tỉnh, nhất là đối với hồ Đá Đen, hồ Sông Ray, hồ Sông

Hòa. Quan tâm bảo vệ nguồn nước ngầm của tỉnh, đặc biệt là vùng ven biển.

b) Tuyệt đối không cho phép đầu tư mới các dự án trong phạm vi khoanh vùng, cấm mốc bảo vệ hồ chứa nước sinh hoạt. Rà soát, tổ chức di dời các cơ sở sản xuất đang hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ở thượng nguồn các hồ cấp nước sinh hoạt của tỉnh đến vị trí phù hợp, đảm bảo an toàn. Trong năm 2016 di dời Phân xưởng nhuộm của Công ty TNHH Meisheng Textiles Việt Nam tại Cụm công nghiệp Ngãi Giao, huyện Châu Đức đến vị trí an toàn, phù hợp.

c) Trong năm 2018, đầu tư các trạm quan trắc tự động để theo dõi chất lượng nước của hồ Đá Đen, Sông Ray, Sông Hỏa để có giải pháp bảo vệ phù hợp, đảm bảo nguồn nước luôn đạt quy chuẩn cho cấp nước sinh hoạt.

6. Chủ động ứng phó tác động của biến đổi khí hậu; đề ra giải pháp và đầu tư chống xói lở hiệu quả khu vực ven biển từ Vũng Tàu đến Bình Châu

a) Nghiên cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đối với vùng ven sông, ven biển và xây dựng bản đồ nguy cơ ngập do nước biển dâng vùng ven sông, ven biển và kế hoạch ứng phó trong năm 2016 – 2020.

b) Nghiên cứu, đưa ra các giải pháp khắc phục tổng thể xói lở bờ biển trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các khu vực Phước Tỉnh, Lộc An, Bến Lội, Hồ Tràm trong năm 2017.

c) Giai đoạn 2016 - 2018, triển khai Dự án xác định mực nước triều cao trung bình nhiều năm và thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển theo Điều 79 của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo để làm căn cứ cho việc bảo vệ, quản lý đầu tư xây dựng, phát triển dải ven biển của tỉnh.

d) Giai đoạn 2016 - 2018, tập trung nguồn lực của tỉnh và huy động các nguồn vốn của Trung ương, các nguồn vốn khác để triển khai các Dự án xây dựng hệ thống đê, kè biển trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch.

7. Bảo vệ, trồng phát triển rừng ngập mặn, cải tạo cảnh quan môi trường sinh thái, nâng tỷ lệ che phủ rừng, tăng chất lượng và giá trị của rừng

Trong giai đoạn 2017 – 2020, tập trung triển khai đồng bộ các Dự án bảo vệ, phục hồi, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh:

- Dự án phục hồi rừng ngập mặn cảnh quan Vũng Tàu – Tân Thành – Bà Rịa.

- Dự án trồng, chăm sóc, phục hồi và bảo vệ diện tích rừng hiện có, nhất là rừng phòng hộ, Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu, Vườn Quốc gia Côn Đảo để nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

- Dự án xây dựng Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cấp tỉnh; Dự án bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen cấp tỉnh.

- Dự án cải tạo, phục hồi môi trường khu vực Mũi Nghinh Phong, thành phố Vũng Tàu và khu vực núi Dinh (tượng chúa thánh giá), thành phố Bà Rịa.

8. Tăng cường công tác truyền thông; xây dựng phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch truyền thông nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 – 2020 được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 19/11/2014.

- Cải tạo, làm sạch, chỉnh trang các bãi biển du lịch từ Vũng Tàu đến Xuyên Mộc và tuyên truyền, vận động người dân địa phương, khách du lịch cùng tham gia bảo vệ môi trường các bãi biển.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc, đoàn thể, cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, các tầng lớp nhân dân về trách nhiệm, ý thức bảo vệ môi trường. Gắn nội dung toàn dân tham gia bảo vệ môi trường với các phong trào thi đua, các cuộc vận động của mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, địa phương và đơn vị

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức của mọi người dân để chủ động phòng, tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, xói lở và xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven biển từ Vũng Tàu đến Xuyên Mộc.

- Xây dựng chính sách khen thưởng, động viên, đưa tin kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng về những tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; đồng thời xử lý nghiêm đối với những hành vi gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và sức khỏe người dân.

9. Về nguồn lực tài chính thực hiện

- Ưu tiên cân đối, điều chuyển, bố trí đủ vốn cho các công trình, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường của tỉnh.

- Sử dụng hợp lý, hiệu quả, đúng mục đích nguồn chi sự nghiệp môi trường. Kết hợp tăng dần nguồn vốn ngân sách với huy động mọi nguồn vốn khác, tăng cường xã hội hóa để đầu tư cho các công trình, nhiệm vụ về môi trường. Tiếp tục kiến nghị với Trung ương tăng phần kinh phí để lại cho tỉnh hằng năm từ nguồn thu phí dầu thô để đầu tư công trình, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng cơ chế, tạo hành lang pháp lý để thu phí từ người dân, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải theo quy định, đảm bảo công bằng, hợp lý, huy động được sức dân cùng tham gia với nhà nước.

PHẦN THỨ BA TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình hành động thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020, cụ thể hóa thành kế hoạch hàng năm để thực hiện; chỉ đạo điều hành triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, dự án về bảo vệ môi trường đã nêu trong Nghị quyết và định kỳ hằng năm sơ kết, đánh giá, báo cáo việc thực hiện Nghị quyết này với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng tổ chức quán triệt sâu sắc Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 trong cán bộ, đảng viên; xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện và định kỳ hằng năm tổ chức sơ kết, đánh giá, đề ra giải pháp thực hiện phù hợp nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết; lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết tại các đảng bộ, địa phương và đơn vị mình.

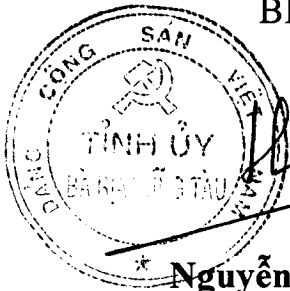
3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể để thực hiện và làm tốt công tác vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường; đẩy mạnh hoạt động giám sát, phản biện về công tác bảo vệ môi trường của tỉnh.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nghị quyết, chương trình, kế hoạch của tỉnh về công tác bảo vệ môi trường; tuyên dương các gương điển hình vì sự nghiệp bảo vệ môi trường của tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, Ban TV Đoàn TNCS HCM tỉnh;
- Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- UBKT, các ban của Tỉnh ủy;
- Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể;
- Các đồng chí UVBCH Đảng bộ tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Báo BR-VT, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Nguyễn Hồng Lĩnh